

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 178/2021/HS-PT

Ngày 14 - 7 - 2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Duy Tuấn.

Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 153/2021/TLPT-HS ngày 27/5/2021 đối với bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “*Cướp tài sản*”. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 119/2021/HS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT: Buôn J, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số 111 đường T, phường T, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1963; có vợ Phan Thị V, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 13/2012/HSST ngày 28/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2020, hiện đang tạm giam cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Thu T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 39 đường K, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nông Đức T1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/11/2019, Nông Đức T1 vay của Nguyễn Tấn T số tiền 10.000.000 đồng và trả lãi 10 ngày 01 lần, mỗi lần trả 500.000 đồng, hẹn đến ngày 26/12/2019 thì trả hết nợ. Đến tháng 4/2020, do T1 chậm đóng tiền lãi nên T hẹn gặp T1 đến quán bida cà phê CNX, địa chỉ: đường N, phường T, thành phố M, để giải quyết việc nợ tiền. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/5/2020, T1 điều khiển xe mô tô biển số 47B1-722.xx (xe T1 mượn của bà Nguyễn Thị Tuyết V) đến gặp T. Tại đây T1 xin trả T 400.000 đồng tiền lãi và xin nợ đến ngày 18/5/2020 sẽ trả cả tiền gốc và lãi nhưng T không đồng ý mà dùng tay nắm vào mặt của T1, T tháo cơ bida dùng tay phải cầm phần chuỗi cơ bida đánh vào đầu của T1 (đầu T1 có đội mũ bảo hiểm), T dùng chân đá T1 thì mất thăng bằng nên tự ngã. Lúc này T1n bỏ chạy ra đường cách đó khoảng 05 mét thì T đứng dậy, chỉ tay về phía T1 nói “*Mày chạy đi đâu quay lại nói chuyện với tao*”. Vì sợ hãi nên T1 quay lại và tiếp tục xin T cho thời gian để xoay tiền trả nhưng T không đồng ý và tiếp tục dùng cơ bida đánh vào chân T1, yêu cầu T1 đi ra khu bán cà phê phía sau của quán CNX. T nói với Nguyễn Duy T3 (là nhân viên của quán CNX) là “*T3, mày dắt xe kia vào trong này giùm anh*” thì T3 ra dắt xe mô tô biển số 47B1-72x.xx vào vị trí để xe của quán. Tại khu bán cà phê phía sau của quán CNX lúc này không có khách, T1ngồi xuống bàn ghế gỗ, T tiếp tục dùng tay, chân đánh vào người T1buộc T1 phải trả cả tiền gốc và lãi cho T. T1 nói với T “*Bây giờ em chưa có tiền để cho em đóng lời*”, “*Em xoay không ra tiền*” thì T nói “*Mày viết giấy để lại cho tao cái xe, cho mày về xoay tiền, tối mang lên trả tao rồi tao cho mày lấy xe về*”. T1 nói với T là xe mô tô biển số 47B1-72x.xx là xe mượn không phải của T1 và xin T cho mang xe mô tô về để xoay tiền trả nhưng T không đồng ý. T hỏi T1 có giấy đăng ký xe và chứng minh nhân dân không thì T1 nói chỉ có chứng minh nhân dân rồi móc trong ví đưa ra 01 giấy chứng minh mang tên Nguyễn Huy H nhưng dán ảnh của T1. Lúc này T nói T1 viết giấy mượn tiền đề ngày 09/5/2020 với nội dung mượn số tiền 10.000.000 đồng, hẹn ngày 18/5/2020 trả tiền, để lại xe mô tô biển số 47B1-72x.xx để làm tin, ký tên người mượn là Nguyễn Huy H. Do bị T dùng cơ bida,

tay và chân đánh liên tục vào người nên T1 sợ hãi không thể chống cự lại được buộc phải viết giấy theo như nội dung T nói, để lại xe mô tô biển số 47B1-72x.xx cho T, rồi đi về. Sau đó T điều khiển xe mô tô đến gặp anh Nguyễn Đăng Trình (là bạn của T), giao xe mô tô biển số 47B1-72x.xx, giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Huy H và giấy mượn tiền cho T2 cất giữ. Sau khi bị T chiếm đoạt xe mô tô biển số 47B1-72x.xx thì T1 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô biển số 47B1-72x.xx, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Huy H và giấy mượn tiền, để phục vụ công tác điều tra. Đối với cây cơ bida mà Nguyễn Tấn T dùng để đánh Nông Đức T1, sau đó T đã để lại quán CNX, do tại quán có nhiều cây cơ bida cùng loại nên Nguyễn Tấn T không xác định được cây cơ bida T đã sử dụng để đánh T1, vì thế không tạm giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 168/KLĐG ngày 31/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Xe mô tô hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu: Đỏ - Đen, biển số 47B1-72x.xx, số máy: 5C61007232, số khung: C6106Y007232, đã qua sử dụng; trị giá 3.900.000 đồng.

Ngày 29/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định trưng cầu giám định chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 và ngày 09/5/2020. Ngày 14/01/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết mang tên Nông Đức T1 trong tài liệu cần giám định so với chữ viết đứng tên Nông Đức T1 trong các tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người viết ra; Chữ viết mang tên Nguyễn Huy H trong tài liệu cần giám định so với chữ viết đứng tên Nông Đức T1 trong các tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người viết ra.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47B1-722.95, kết quả điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị Tuyết V, ngày 20/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà V quản lý, sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 119/2021/HS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tấn T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/9/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị số 14/QĐ-VKS-P7, kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 119/2021/HS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho rằng: việc bị cáo dùng vũ lực đánh anh Nông Đức T1 là do anh T1 nợ bị cáo số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng chậm trả chứ bị cáo không có mục đích dùng vũ lực để chiếm đoạt ngay tài sản của anh T1 vì lúc này anh T1 đang có 400.000 đồng và chiếc điện thoại di động trên người nhưng bị cáo không chiếm đoạt. Đồng thời, còn cho anh T1 gọi điện thoại cho người nhà để mượn 10.000.000 đồng trả cho bị cáo còn tiền lãi bị cáo cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn không mượn được tiền, nên bị cáo bắt anh T1 viết giấy mượn số tiền 10.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô để làm tin, khi nào có đủ tiền mang đến trả thì lấy xe về. Như vậy mục đích của bị cáo yêu cầu anh T1 viết giấy mượn tiền và cầm xe mô tô là để đảm bảo cho việc lấy được số tiền 10.000.000 đồng mà anh T1 đã vay của bị cáo trước đó. Do bị cáo Nguyễn Tấn T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đối với anh Nông Đức T1 bằng hình thức cưỡng bức về tinh thần đối với người bị hại (do bị đánh trước đó) và bị lấy xe mô tô để làm tin nên hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn T đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, nhưng bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đánh giá không đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, dẫn đến tuyên không đúng tội danh, áp dụng không đúng quy định pháp luật. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm về tội danh, Điều, khoản áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tấn T và giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị số 14/QĐ-VKS-P7 ngày 13/5/2021, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm về tội danh, Điều, khoản áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn T – xét xử bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự và sửa mức hình phạt tù đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng

khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù

Tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T trình bày: Hành vi đánh bị hại của bị cáo là do bị hại không trả nợ cho bị cáo. Bị cáo giữ chiếc xe của bị hại mục đích để làm tin chứ không có ý định chiếm đoạt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường cho người bị hại và được người bị hại, bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát tuyên bố bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và áp dụng điểm khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt cho bị cáo Nguyễn Tấn T mức án thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Đắk Lắk, HĐXX thấy: Sự việc xảy ra xuất phát từ việc anh Nông Đức T1 có nợ của bị cáo Nguyễn Tấn T số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh quá hạn không trả nên bị cáo gọi anh T1 đến trả nợ nhưng anh T1 không có tiền trả và xin khất nợ nên bị cáo Nguyễn Tấn T bực tức dùng vũ lực (tay, chân và cây cơ bida) đánh anh T1 mục đích để đòi tiền nợ, bị cáo ép anh T1 gọi điện thoại cho người nhà để mượn tiền trả cho bị cáo nhưng anh T1 vẫn không mượn được tiền, nên bị cáo tiếp tục đánh và bắt anh T1 viết giấy mượn số tiền 10.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô để làm tin, khi nào có đủ tiền mang đến trả thì lấy xe về. Như vậy, hành vi dùng vũ lực đánh anh T1 của bị cáo là nhằm mục đích đòi tiền từ anh T1 chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt ngay tài sản là chiếc xe mô tô anh T1 đang sử dụng, đồng thời trên người anh T1 lúc đó có số tiền 400.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhưng bị cáo không chiếm đoạt đã thể hiện bị cáo chỉ muốn anh T1 viết giấy nhận nợ và giữ lại xe của anh T1 để làm tin, khi nào anh T1 mang 10.000.000 đồng trả thì bị cáo trả lại xe. Hành vi của bị cáo đối với anh T1 không mang tính mãnh liệt và tức thời, chưa đến mức làm tê liệt ý chí của anh T1, khi bị cáo đánh anh T1 thì anh T1 hoàn toàn có điều kiện để đối phó và có thể kháng cự được nhưng chỉ hạn chế ở chỗ do lo sợ mà anh T1 đã giao tài sản cho bị cáo. Hơn nữa, trong quán cà phê lúc này vẫn có người biết được việc bị

cáo đánh anh T1. Do vậy, hành vi của bị cáo có đầy đủ yếu tố cấu thành của tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của bị cáo phạm vào tội “Cướp tài sản” là chưa chính xác, chưa đánh giá đúng bản chất, tính chất và mức độ của hành vi phạm tội.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa một phần bản án sơ thẩm về tội danh, điều, khoản và mức hình phạt đối với bị cáo. Chuyển tội danh đối với bị cáo Nguyễn Tấn T sang tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự mới đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 170 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

Do khung hình phạt tại khoản 1 Điều 170 BLHS là từ 01 năm đến 05 năm tù nên mức hình phạt 07 năm tù bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là quá cao và không phù hợp. Vì vậy, cần sửa bản án về mức hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 14/QĐ-VKS-P7 ngày 13/5/2021, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 119/2021/HS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về tội danh, Điều, khoản áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn T.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/9/2020.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. M;
- VKSND Tp. M;
- Công an Tp. M;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết

